

Mã số mẫu : 1398.19

Ngày : 18/11/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn - Café Trúc – Khu công nghiệp An Hiệp
Ngày lấy mẫu (*) : 15/11/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 15/11/2019
Thời gian thử nghiệm : 15/11 - 18/11/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BẾN TRE**

ĐẾN Số: 326.....
Ngày: 15/11/2019
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBD (**)
1	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Giem



Nguyễn Văn Canh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 1442/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1399.19

Ngày : 18/11/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn Sơn Định – Chợ Lách
Ngày lấy mẫu (*) : 15/11/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 15/11/2019
Thời gian thử nghiệm : 15/11 - 18/11/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Giem



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Canh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1400.19

Ngày : 18/11/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Nhà thờ - Nhà trẻ – Chợ Lách
Ngày lấy mẫu (*) : 15/11/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 15/11/2019
Thời gian thử nghiệm : 15/11 - 18/11/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Màu sắc (TCU)	TCU SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Giem



Nguyễn Văn Canh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 1444/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1401.19

Ngày : 18/11/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Uốn tóc Hàng - ấp Tân Phú – Sơn Định – Chợ Lách
Ngày lấy mẫu (*) : 15/11/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 15/11/2019
Thời gian thử nghiệm : 15/11 - 18/11/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Võ Chi Giém



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Canh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1402.19

Ngày : 18/11/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Nhà trẻ Bình Phú
Ngày lấy mẫu (*) : 15/11/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 15/11/2019
Thời gian thử nghiệm : 15/11 - 18/11/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Màu sắc (TCU)	TCU SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

p. **TRƯỞNG KHOA**

Võ Chi Giếm

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Canh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Bến Tre, ngày 16 tháng 11 năm 2019

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 11/2019
(Thực hiện theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT)**

1. NHÀ MÁY NƯỚC AN HIỆP

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 07/11/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1375.19	1377.19	1375.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml
3	Màu sắc (TCU)	13,59	11,73	21,76	15 TCU
4	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục	< 0,5	< 0,5	0,62	≤ 2NTU
6	pH	7,28	7,21	7,27	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,85	0,52	0,77	0,2 - 1 mg/l

Biện pháp khắc phục: vệ sinh các bể trong cụm xử lý, xúc xả đường ống ở cuối tuyến

Thời gian khắc phục: 15/11/2019

2. NHÀ MÁY NƯỚC SƠN ĐÔNG

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 6/11/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1362.19	1371.19	1363.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml
3	Màu sắc (TCU)	10,46	16,37	9,58	15 TCU

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01-1:2018/BYT
		1362.19	1371.19	1363.19	
4	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục	1,36	1,41	1,27	≤ 2NTU
6	pH	7,41	7,16	7,41	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,82	0,22	0,2	0,2 - 1 mg/l

Biện pháp khắc phục: vệ sinh các bể trong cụm xử lý, xúc xả đường ống ở cuối tuyến
Thời gian khắc phục: 15/11/2019

3. CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHÚ TÂN

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 7/11/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01-1:2018/BYT
		1365.19	1366.19	1367.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml
3	Màu sắc (TCU)	10,19	11,76	13,06	15 TCU
4	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục	KPH	< 0,5	< 0,5	≤ 2NTU
6	pH	6,99	7,06	7,12	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,81	0,68	0,39	0,2 - 1 mg/l

4. CHI NHÁNH CẤP NƯỚC CHỢ LÁCH

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 7/11/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01-1:2018/BYT
-----	----------	---------	--	--	--------------------

		1372.19	1374.19	1373.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml
3	Màu sắc (TCU)	17,37	15,49	20,3	15 TCU
4	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục	0,74	< 0,5	1,37	≤ 2NTU
6	pH	7,24	7,4	7,36	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,82	0,4	0,33	0,2 - 1 mg/l

Biện pháp khắc phục: vệ sinh các bể trong cụm xử lý, xúc xả đường ống ở cuối tuyến

Thời gian khắc phục: 15/11/2019

5. CHI NHÁNH CẤP NƯỚC GIÒNG TRÔM

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 7/11/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1368.19	1369.19	1370.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml
3	Màu sắc (TCU)	11,98	10,32	14,41	15 TCU
4	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục	0,5	0,9	1,03	≤ 2NTU
6	pH	7,09	7,11	7,05	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,97	0,84	0,71	0,2 - 1 mg/l



DUYỆT CỦA BAN TGD

TP. KỸ THUẬT

NGƯỜI LẬP

Hoàng Ngọc Sơn

Phạm Thị Anh Thu

Phan Thanh Bình

Bến Tre, ngày 26 tháng 11 năm 2019

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 11/2019
(Thực hiện theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT)

1. NHÀ MÁY NƯỚC AN HIỆP

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 15/11/2019:

01 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1398.19			
1	Màu sắc (TCU)	< 7,5			15 TCU

2. NHÀ MÁY NƯỚC SON ĐÔNG

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 15/11/2019:

01 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1402.19			
1	Màu sắc (TCU)	< 7,5			15 TCU

3. CHI NHÁNH CẤP NƯỚC CHỢ LÁCH

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 15/11/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1399.19	1400.19	1444.19	
1	Màu sắc (TCU)	< 7,5	< 7,5	< 7,5	15 TCU



DUYỆT CỦA BAN TGD

TP. KỸ THUẬT

NGƯỜI LẬP

Hoàng Ngọc Sơn

Phạm Thị Anh Thư

Phan Thanh Bình